

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1985; đăng ký HKTT: Đội 4, thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn 6, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Đội 4, thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 8 năm 2021, bản tự khai ngày 06 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Văn T từ đầu năm 2006, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống nhưng đến ngày 20 tháng 3 năm 2006 mới làm thủ tục đăng ký kết

hôn tại UBND xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào tháng 12 năm 2020 do bất đồng quan điểm sống, lối sống; anh T không biết tính toán làm ăn và nghi ngờ chị sống không chung thủy, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 03 con là Nguyễn Hải V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2006; Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2018. Ly hôn chị nhận nuôi cháu N và cháu H đến khi đủ 18 tuổi, để cháu V cho anh T nuôi đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị và anh T thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh T trình bày: Thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc, thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L thiếu quan tâm đến anh nên vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau. Theo anh đó là những mâu thuẫn nhỏ, gia đình nào cũng có. Anh đã nhiều lần phân tích cho chị L biết vợ chồng phải quan tâm, chia sẻ với nhau cả về tình cảm và kinh tế nhưng chị L không nghe. Chị L đem theo hai con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ để ở từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Anh nhiều lần vào đón nhưng chị L không về, từ đó vợ chồng sống ly thân, anh vẫn quan tâm đến chị L nhưng chị L không quan tâm đến anh. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ vì còn tình cảm và muốn giữ gia đình cho các con.

Về con chung: Có 03 con là Nguyễn Hải V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2006; Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2018. Do muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy các con nên anh không yêu cầu chia con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh chị thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự đều giữ nguyên quan điểm như đã yêu cầu, đề nghị, không tự thỏa thuận được với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Chị L trình bày: Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn như chị đã trình bày trước đây, còn có nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do vợ chồng ở chung trên đất của bố chồng, chị quá vất vả vì ngoài thời gian làm công nhân ở công ty, chị còn phải tham gia trồng trọt, chăn nuôi tại gia đình chồng. Nhưng bố chồng rất khó tính, hay xét nét, trách móc con dâu, nói chị là con ở, không có quyền gì trong gia đình. Anh T không hiểu, thông cảm cho chị và còn nghi ngờ chị

không chung thủy là tạo áp lực về tinh thần rất lớn cho chị. Anh T thừa nhận bố anh khó tính, bố anh nói "chị là con ở" nhưng anh không nói vậy. Anh muốn chị hiểu tính của ông là người già sinh ra khó tính nên bỏ qua để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nuôi dạy con. Chị L nhận thấy quá vất vả và rất áp lực về tinh thần, nhiều đêm không ngủ được, sức khỏe giảm sút nghiêm trọng nên vẫn cương quyết xin ly hôn anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 30 tháng 8 năm 2021 là chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị L, cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2006 cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2018 cho chị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại đội 4, thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại chính quyền địa phương và những người có liên quan thể hiện chị L kết hôn với anh T do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 20 tháng 3 năm 2006. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2020, nguyên nhân do anh T nghi ngờ chị L sống không chung thủy và cho rằng chị L sống không hòa hợp với gia đình anh T dẫn đến vợ chồng bất đồng với nhau trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2021. Hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L có căn cứ, cần được chấp nhận, nên xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 con là Nguyễn Hải V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2006; Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2018. Cháu V đang ở với anh T, cháu N và H đang ở cùng chị L. Xét nguyện vọng của chị L nhận nuôi cháu N và cháu H đến khi các con đủ 18 tuổi, để cháu V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T và đại diện hai bên gia đình thể hiện chị L có chỗ ở, việc làm ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 8.500.000 đồng trở lên, đủ điều kiện nuôi

nuôi dưỡng cháu N và cháu H. Anh T có chỗ ở ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 4.000.000 đồng trở lên. Khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở, hai cháu N và H được chị nuôi dưỡng đảm bảo, đầy đủ điều kiện cho các cháu sinh hoạt, học tập và chỗ ở ổn định và còn có sự giúp đỡ của mẹ đẻ chị L là bà Ngô Thị Thực chăm sóc cho các cháu hàng ngày khi chị L đi làm. Cháu V có nguyện vọng ở với anh T, cháu N có nguyện vọng ở với chị L, cháu H còn nhỏ cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó, cần giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu N và cháu H cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị L và anh T đã thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị L và anh T thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị L, anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000^d (ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu AA/2016, số 0009377 ngày 06 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị L đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng